

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETCAPLINK

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-19
Bảng cân đối kế toán	05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	06
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	07
Thuyết minh Báo cáo tài chính	08 - 19

1100
C
TRÁCH
HÃN
HOA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vietcaplink (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vietcaplink được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0108156186 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 02 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 6 tháng 4 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số nhà 15-B4, Tập thể Đại học Ngoại thương, ngõ 91, Chùa Láng, Láng Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Tạ Thanh Thao	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 10 năm 2020)
Ông Bùi Mạnh Linh	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 02 tháng 10 năm 2020)
Ông Bùi Mạnh Linh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 10 năm 2020)
Ông Nguyễn Trọng Phát	Thành viên	
Ông Phạm Minh Tiến	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 10 năm 2020)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Minh Tiến	Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 10 năm 2020)
Ông Bùi Mạnh Linh	Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 02 tháng 10 năm 2020)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

11105
NG T
NHIỆM H
KIỂM
AASC
KIỂM

Công ty Cổ phần Vietcaplink

Số nhà 15-B4, Tập thể Đại học Ngoại thương, ngõ 91, Chùa Láng, Láng Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

Phạm Minh Tiến

Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2021

CHIA
TOÁN
C
TP



Số: 180621.015/BCTC.KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vietcaplink

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vietcaplink được lập ngày 16 tháng 06 năm 2021, từ trang 05 đến trang 19, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vietcaplink tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
HÀNG KIỂM TOÁN
AASC

Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2021

Đặng Thanh Xuân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 5299-2020-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		20.615.527.541	1.153.035.870
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	706.462.520	9.035.870
111	1. Tiền		706.462.520	9.035.870
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	18.609.565.021	1.144.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		18.609.565.021	1.191.670.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(47.670.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.299.500.000	-
136	1. Phải thu ngắn hạn khác	5	1.299.500.000	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		20.615.527.541	1.153.035.870
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		17.277.544.494	663.985.213
310	I. Nợ ngắn hạn		17.277.544.494	663.985.213
319	1. Phải trả ngắn hạn khác	8	8.343.700.000	13.700.000
320	2. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	6	8.933.844.494	650.285.213
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.337.983.047	489.050.657
410	I. Vốn chủ sở hữu	9	3.337.983.047	489.050.657
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		4.000.000.000	1.500.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.000.000.000	1.500.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(662.016.953)	(1.010.949.343)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(1.010.949.343)	(978.004.688)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		348.932.390	(32.944.655)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		20.615.527.541	1.153.035.870


Nguyễn Trọng Phát

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2021


Nguyễn Trọng Phát

Phụ trách Kế toán


Phạm Minh Tiến

Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
11	4. Giá vốn hàng bán		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	10	1.037.477.575	138.175.050
22	7. Chi phí tài chính	11	686.052.385	168.715.705
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>128.117.372</i>	<i>119.873.966</i>
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	12	2.492.800	2.374.000
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		348.932.390	(32.914.655)
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		-	30.000
40	13. Lợi nhuận khác		-	(30.000)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		348.932.390	(32.944.655)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>348.932.390</u>	<u>(32.944.655)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	14	1.893	(220)


Nguyễn Trọng Phát

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2021


Nguyễn Trọng Phát

Phụ trách Kế toán


Phạm Minh Tiến

Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		12.051.580.070	8.605.404.000
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(30.450.509.857)	(8.230.684.994)
04	3. Tiền lãi vay đã trả		(128.117.372)	(119.873.966)
06	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		8.330.000.000	10.000.000
07	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(22.148.249)	(15.243.950)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(10.219.195.408)	249.601.090
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		133.062.777	20.004.255
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		133.062.777	20.004.255
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		2.500.000.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		21.706.991.747	8.288.375.060
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(13.423.432.466)	(8.550.380.150)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		10.783.559.281	(262.005.090)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		697.426.650	7.600.255
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		9.035.870	1.435.615
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	706.462.520	9.035.870



Nguyễn Trọng Phát
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2021



Nguyễn Trọng Phát
Phụ trách Kế toán

Phạm Minh Tiến
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vietcaplink được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0108156186 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 02 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 6 tháng 4 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số nhà 15-B4, Tập thể Đại học Ngoại thương, ngõ 91, Chùa Láng, Láng Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 4.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 4.000.000.000 đồng; tương đương 400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Đầu tư tài chính, kinh doanh chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn đầu tư tài chính.
- Mua bán chứng khoán kinh doanh.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

2.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

2.13. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.14. Thông tin bộ phận

Do Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực đầu tư và chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Tiền mặt	124.400.000	7.000.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	582.062.520	2.035.870
	706.462.520	9.035.870

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh (Chi tiết tại Phụ lục 01).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Tạm ứng	1.299.500.000	-	-	-
	1.299.500.000	-	-	-

6. VAY NGẮN HẠN

(Chi tiết tại Phụ lục 02).

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
- Các loại thuế khác	-	2.000.000	2.000.000	-
	-	2.000.000	2.000.000	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

8. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Phải trả khác chi tiết theo số dư lớn		
- Phải trả về số tiền đã mượn của các cá nhân (*)	8.330.000.000	-
+ Ông Tạ Thanh Thao	2.000.000.000	-
+ Ông Nguyễn Thanh Tuấn	2.000.000.000	-
+ Ông Bùi Mạnh Linh	500.000.000	-
+ Bà Phạm Thị Minh Loan	500.000.000	-
+ Ông Nguyễn Tiến Chương	400.000.000	-
+ Ông Lê Minh Thắng	330.000.000	-
+ Bà Đinh Thị Nho	500.000.000	-
+ Các đối tượng khác	2.100.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.700.000	13.700.000
	8.343.700.000	13.700.000
b) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 18)	4.550.000.000	-

Thông tin các khoản phải trả

(*) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 0201/20/HĐQT-BB ngày 02/01/2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0111/2020/HĐQT-BB ngày 01/11/2020 về việc huy động vốn đầu tư đã phê duyệt phương án mượn tiền của các cá nhân được trình bày như thuyết minh trên. Cụ thể:

- Mượn tiền của ông Bùi Mạnh Linh số tiền 500.000.000 đồng và các cá nhân khác số tiền 7.830.000.000 đồng theo các hợp đồng mượn tiền được lập cho các cá nhân; Thời gian mượn 12 tháng kể từ ngày nhận tiền đối với ông Bùi Mạnh Linh và 3 tháng kể từ ngày nhận tiền đối với các cá nhân khác; Mức lãi suất: Không tính lãi; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.500.000.000	(978.004.688)	521.995.312
Lỗ trong năm trước	-	(32.944.655)	(32.944.655)
Số dư cuối năm trước	1.500.000.000	(1.010.949.343)	489.050.657
Số dư đầu năm nay	1.500.000.000	(1.010.949.343)	489.050.657
Tăng vốn trong năm nay	2.500.000.000	-	2.500.000.000
Lãi trong năm nay	-	348.932.390	348.932.390
Số dư cuối năm nay	4.000.000.000	(662.016.953)	3.337.983.047

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020	Tỷ lệ	01/01/2020	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Ông Bùi Mạnh Linh	1.000.000.000	25,00%	500.000.000	33,33%
Ông Nguyễn Trọng Phát	1.000.000.000	25,00%	500.000.000	33,33%
Ông Tạ Thanh Thao	1.000.000.000	25,00%	500.000.000	33,33%
Ông Phạm Minh Tiến	1.000.000.000	25,00%	-	0,00%
	4.000.000.000	100%	1.500.000.000	100%

c) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	400.000	150.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	400.000	150.000
- Cổ phiếu phổ thông	400.000	150.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	400.000	150.000
- Cổ phiếu phổ thông	400.000	150.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

10. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	162.777	4.255
Lãi bán các khoản đầu tư	904.414.798	118.170.795
Cổ tức, lợi nhuận được chia	132.900.000	20.000.000
	1.037.477.575	138.175.050

11. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	128.117.372	119.873.966
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	585.949.564	305.183.516
Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(47.670.000)	(269.555.727)
Chi phí tài chính khác	19.655.449	13.213.950
	686.052.385	168.715.705

12. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thuế, phí, lệ phí	2.000.000	2.000.000
Chi phí khác bằng tiền	492.800	374.000
	2.492.800	2.374.000

13. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	348.932.390	(32.944.655)
Các khoản điều chỉnh giảm	(348.932.390)	(20.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(132.900.000)	(20.000.000)
- Chuyển lỗ các năm trước	(216.032.390)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	-	(52.944.655)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh	-	-

14. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	348.932.390	(32.944.655)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	348.932.390	(32.944.655)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	184.307	150.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.893	(220)

15. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí khác bằng tiền	2.492.800	2.374.000
	2.492.800	2.374.000

16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	706.462.520	-	9.035.870	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.299.500.000	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	18.609.565.021	-	1.191.670.000	(47.670.000)
	20.615.527.541	-	1.200.705.870	(47.670.000)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	8.933.844.494	650.285.213
Phải trả người bán, phải trả khác	8.343.700.000	13.700.000
	17.277.544.494	663.985.213

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Đầu tư ngắn hạn	18.609.565.021	-	-	18.609.565.021
	18.609.565.021	-	-	18.609.565.021
Tại ngày 01/01/2020				
Đầu tư ngắn hạn	1.144.000.000	-	-	1.144.000.000
	1.144.000.000	-	-	1.144.000.000

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	706.462.520	-	-	706.462.520
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.299.500.000	-	-	1.299.500.000
	2.005.962.520	-	-	2.005.962.520
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.035.870	-	-	9.035.870
	9.035.870	-	-	9.035.870

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	8.933.844.494	-	-	8.933.844.494
Phải trả người bán, phải trả khác	8.343.700.000	-	-	8.343.700.000
	17.277.544.494	-	-	17.277.544.494
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	650.285.213	-	-	650.285.213
Phải trả người bán, phải trả khác	13.700.000	-	-	13.700.000
	663.985.213	-	-	663.985.213

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

17. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty có quyết định tăng vốn điều lệ theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 01/2021/QĐ-HĐQT ngày 14/01/2021, cụ thể:

- Tăng vốn điều lệ từ 4.000.000.000 đồng lên 11.033.300.000 đồng.
- Số vốn này được chia thành 1.103.330 cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 đồng.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

18. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>		
Ông Tạ Thanh Thao	Chủ tịch Hội đồng quản trị		
Ông Bùi Mạnh Linh	Thành viên Hội đồng quản trị		
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính			
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
		VND	VND
Phải trả khác		4.550.000.000	-
- Ông Tạ Thanh Thao	Chủ tịch Hội đồng quản trị	4.550.000.000	-
Vay ngắn hạn		1.000.000.000	-
- Ông Bùi Mạnh Linh	Thành viên Hội đồng quản trị	1.000.000.000	-

19. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Trọng Phát

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2021



Nguyễn Trọng Phát

Phụ trách Kế toán

Phạm Minh Tiến

Giám đốc

PHỤ LỤC 01: CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
 Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2020			01/01/2020		
	Mã chứng khoán	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng giá trị cổ phiếu		18.609.565.021	21.625.249.000	-	1.191.670.000	1.144.000.000
Cổ phiếu Tập đoàn Bảo Việt	BVH	4.091.506.080	4.573.800.000	-	-	(47.670.000)
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	DHC	246.409.060	304.500.000	-	-	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần FPT	FPT	7.015.057.233	7.204.290.000	-	-	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	REE	3.923.669.977	4.817.659.000	-	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB	3.332.922.671	4.725.000.000	-	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	MBB	-	-	-	1.191.670.000	1.144.000.000
		18.609.565.021	21.625.249.000	-	1.191.670.000	(47.670.000)

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HNX và HOSE tại ngày 01/01/2020 và 31/12/2020.